

Số: 3867848

TOWNER T2.5-2.8 BÁN HÀNG LƯU ĐỘNG

KIA FRONTIER K149 CHỖ GIA CẨM

Giá niêm yết:

Liên hệ

Liên hệ

KÍCH THƯỚC:

Kích thước tổng thể(DxRxC)

4.865 x 1.835 x 2.510 mm

5.265 x 1.910 x 2.610 mm

Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)

2.800 x 1.680 x 1.610 mm (7,57 m³)

3.200 x 1.730 x 1.830 mm (10,13 m³)

Chiều dài cơ sở

2.780 mm

2.615 mm

Vết bánh xe trước/sau

1.450 / 1.455 mm

1.490 / 1.340 mm

KHỐI LƯỢNG:

Khối lượng bản thân

1.570 kg

2.205 kg

Khối lượng chở cho phép

720 kg

1.200 kg

Khối lượng toàn bộ

2.420 kg

3.600 kg

Số chỗ ngồi

2 chỗ

3

ĐỘNG CƠ:

Tên động cơ

DAM16KR

HYUNDAI - D4CB

Loại động cơ

Động cơ xăng 4 kỳ, 4 xilanh thẳng hàng, làm mát bằng dung dịch

Diesel, 04 kỳ, 04 xilanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu trực tiếp điều khiển điện tử (ECU)

Dung tích xi lanh

1.597 cc

2.497 cc

Công suất cực đại/ tốc độ quay

122/6.000 Ps/(vòng/phút)

130 / 3.800 Ps/(vòng/phút)

Mô men xoắn/ tốc độ quay

158/4.400-5.200 N.m/(vòng/phút)

255 / 1.500~3.500 N.m/(vòng/phút)

TRUYỀN ĐỘNG:

Ly hợp

01 đĩa, ma sát khô, dẫn động cơ khí

01 đĩa, ma sát khô, dẫn động thủy lực, trợ lực chân không

Hộp số

DAT18R, 5 số tiến, 1 số lùi

M6AR1 - 6MT. Cơ khí, số sàn, 6 số tiến, 1 số lùi

Tỷ số truyền

4,04-2,165-1,395-1-0,799 R: 3,744

ih1=4,271; ih2=2,248; ih3=1,364; ih4=1,000; ih5= 0,823; ih6= 0,676; iR=3,814

HỆ THỐNG PHANH:

Hệ thống phanh

Trước đĩa, sau tang trống Dẫn động thủy lực, có ABS

Thủy lực, Trước đĩa/Sau tang trống, trợ lực chân không

HỆ THỐNG TREO:

Trước

Macpherson

Độc lập, thanh xoắn, thanh cân bằng, giảm chấn thủy lực

Sau

Nhíp lá, giảm chấn thủy lực

Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thủy lực

LỐP XE:

Trước/Sau

175/70R14LT

195R15C/155R12C

ĐẶC TÍNH:

Khả năng leo dốc

41,4 %

37,3 %

Bán kính quay vòng nhỏ nhất

5,5 m

5,2 m

Tốc độ tối đa

122 km/h

115 km/h

Dung tích thùng nhiên liệu

43 lít

65 lít

HỆ THỐNG LÁI:

Hệ thống lái

Thanh răng - bánh răng. Trợ lực điện

Thanh răng - bánh răng, trợ lực thủy lực